

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TP. BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **03/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 21/01/2019

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Văn Đức

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hạnh
2. Ông Nguyễn Công Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Nữ Hoàng Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:
(Không tham gia).

Ngày 21/01/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 923/2018/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2018, về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/QĐXX-ST ngày 07/01/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Nh - Sinh năm: 1977

HKTT: Số X đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ liên hệ: Số Y đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- Bị đơn: Ông Trần Đình D - Sinh năm: 1978

Trú tại: Số X đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Ông Dũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Bà Bùi Thị Nh và ông Trần Đình D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Ông bà chưa có con chung. Quá trình chung sống thì vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói

chung và không quan tâm lẫn nhau. Hiện tại vợ chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nh đề nghị Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột giải quyết cho bà được ly hôn ông D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Trần Đình D không tham gia nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện của bà Bùi Thị Nh, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột xác định quan hệ pháp luật đang tranh chấp là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của BLTTDS. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - ông Trần Đình D đã được triệu tập hợp lệ và có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Nh và ông Trần Đình D tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 05/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Nh và ông D là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét về tình trạng hôn nhân của vợ chồng, ông bà đã kết hôn và chung sống với nhau đã được gần 15 năm. Tuy nhiên, cuộc sống bà Nh ông D trong những năm gần đây thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo bà Nh trình bày là do không cùng quan điểm sống nên không tìm được tiếng nói chung và không quan tâm lẫn nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Quá trình giải quyết Tòa án đã xác minh tại tổ dân phố nơi ông, bà sinh sống và được đại diện tổ dân phố cho biết qua trình bày của bà Nh thì giữa vợ chồng cũng có nhiều mâu thuẫn về cuộc sống riêng tư nên muốn giải thoát cho nhau. Hiện tại vợ, chồng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến cuộc sống của ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông D đã thực sự trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà Nh có nguyện vọng xin được ly hôn với ông D để mỗi người có cuộc sống riêng của mình. Vì vậy, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn - bà Nh.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Bùi Thị Nh phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo qui định của pháp luật và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 203 BLTTDS năm 2015;

Áp dụng các điều 56, 81, 82; 83; 107 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Bùi Thị Nh. Bà Bùi Thị Nh được ly hôn ông Trần Đình D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Bà Bùi Thị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Bùi Thị Nh phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà Nh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Tp. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số 0008193 ngày 02 tháng 10 năm 2018.

5. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT;
- CCTHADS TP. BMT;
- UBND xã E, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

VŨ VĂN ĐỨC

